TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 104 /2024/HS-ST Ngày 25/12/2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

` - *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Kiều Văn Thành.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Nho Bản và ông Sỹ Danh Huệ.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Tạ Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà*: Ông Đàm Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 106/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Đỗ Xuân Tư Tr, sinh năm 1975; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn Nhật T, xã Trường Y, huyện C, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ (Đảng, chính quyền....): Không; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh;Tôn giáo: Không; Con ông: Đỗ Xuân L (đã chết); Con bà: Đỗ Thị H, sinh năm 1950; Vợ: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1988 (đã ly hôn); Vợ: Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1995 (đã ly hôn); Con: Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; Danh chỉ bản số: 365 do Công an huyện Q lập ngày 07/10/2024; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án số 940/HSST ngày 30/6/1998, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 17 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" (hành vi xảy ra ngày 23/10/1997) và phạt tiền 30.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước; bị cáo phải chịu 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo kháng cáo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút kháng cáo, ngày 30/11/1998 Tòa phúc thẩm TAND tối cao ra quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số thụ lý 2417. Chấp hành xong toàn bộ phần dân sự và án phí của và ra trại vào tháng 01/2009.

- Bản án số 1492/HSST ngày 09/10/1998, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên phạt 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" (hành vi xảy ra ngày 27/6/1997) phạt 1.000.000 đồng và truy thu 4.500.000 đồng để xung quỹ Nhà nước, bị cáo phải chịu 50.000 đồng đồng án phí hình sự sơ thẩm. Cơ quan CSĐT đã xác minh tại Cục THADS thành phố Hà Nội và xác định được không có hồ sơ thi hành án và không có thông tin Đỗ Xuân Tư Trung đã nộp tiền

theo bản án trên tại Cục THATP Hà Nội; Chấp hành xong toàn bộ phần dân sự và án phí của và ra trại vào tháng 01/2009.

- Bản án số 159/2011/HSST ngày 30/12/2011, Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" (hành vi xảy ra từ năm 1996), bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị can đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/01/2013, đã nộp án phí ngày 05/4/2012. Chấp hành xong án phạt tù ngày 18/01/2013.

- Bản án số 53/2015/HSST ngày 09/6/2015, Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt 8 tháng tù về tội "Cố ý làm hư hỏng tài sản" (hành vi xảy ra ngày 21/01/2015). Bị can đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/9/2015 và đã nộp án phí ngày 10/3/2016.

- Bản án số 147/2016/HSST ngày 23/12/2016, Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc (tại bản Bản án này đã căn cứ khoản 3 Điều 7 và khoản 2 Điều 70 BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 109/2015/QH15 ngày 27/11/2015, Nghị quyết số 144/2016 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 276/TANDTC - PC ngày 13/9/2016 và Công văn số 301/TANDTC - PC của Tòa án nhân dân tối cao đã xác định Đỗ Xuân Tư Trung đương nhiên được xóa án tích đối với các bản án số 940/HSST ngày 30/6/1998, bản án số 1492/HSST ngày 09/10/1998 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, bản án số 159/2011/HSST ngày 30/12/2011, Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội). Đối với Bản án số 147 ngày 23/12/2016 này bị can đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/10/2018 và đã nộp án phí ngày 22/5/2017. Bản án phúc thẩm số 192 ngày 20/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của Trung.

Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/10/2024 tại Nhà Tạm giữ Công an huyện Q đến nay có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại*:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1953; Có mặt.

Địa chỉ: Số 1, Tổ 7, khu Xuân H, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:**

1-Anh Ngô Văn K, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Q, Thành phố Hà Nội – có đơn xin xét xử vắng mặt.

2-Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn 5, xã P, huyện Q, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt.

3- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn Thế Tr, xã Nghĩa H, huyện Q, Thành phố Hà Nội – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1994 ông Nguyễn Văn T nhờ ông Ngô Văn M tìm mua hộ 01 thửa đất tại xã Phú C, huyện Q, TP Hà Nội. Sau đó ông Măng biết ông Nguyễn Văn Khả

có 01 thửa đất tại thôn 7, xã P, huyện Q diện tích 1080 m^2 muốn bán. Ông M trao đổi với ông Toàn thì ông Toàn nhất trí và nhờ mua lại thửa đất này. Ngày 29/3/1994 hai bên có làm 01 giấy giao kèo, nội dung ông Kh bán thửa đất 1080 m^2 cho ông M với giá 10.000.000 đồng, có chữ ký của ông Khả, ông M cùng ông T (với tư cách là người làm chứng) nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, ông T đưa 10.000.000 đồng cho ông M để trả cho ông Kh. Ngày 29/5/1994 ông M đã bàn giao toàn bộ diện tích thửa đất đã mua hộ cho ông T (không có người làm chứng, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Ngày 27/6/1994 ông Khả tiếp tục chuyển nhượng một phần của thửa đất 1080m^2 đã bán cho ông T trước đó cho ông Bùi Minh T và bà Bùi Thị Th, công tác tại trường Cao đẳng Hà Tây (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P). Thửa đất ông Kh chuyển nhượng cho ông Bùi Minh T ở phía Đông đường 21A, khu vực Vai Réo Phú Cát, diện tích cụ thể là: Ngang mặt đường là 5m, sâu vào phía Đông là 48m, tổng là 240m^2. Thửa đất ông Khả chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Th ở phía Đông đường 21A, khu vực cầu Vai Réo P, diện tích cụ thể là: Ngang mặt đường 4m, sâu vào phía Đông 60m, tổng là 240m^2. Ngày 25/5/2000 bà Bùi Thị Th đã chuyển nhượng lại thửa đất đã mua nêu trên cho ông Bùi Văn X trú tại số 6, phường Quang Tr, quận H, thành phố Hà Nội. Đến năm 2010 ông Bùi Văn X tiếp tục chuyển nhượng cho bà Trần Thị Mỹ ở phường D, quận H, thành phố Hà Nội. Năm 2010 bà Nguyễn Thị Th (vợ ông Bùi Minh T) đã chuyển nhượng một phần diện tích đất cho bà Phan Hoàng Ng và ông Nguyễn Hữu Th đều có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P.

Đến năm 2010 ông Toàn thuê ông Nguyễn Xuân T xây dựng 01 căn nhà cấp 4 có diện tích 36m^2 trên thửa đất tổng số 1080m^2 đã mua của ông Kh. Năm 2011 Ủy ban nhân dân xã P đã lập biên bản về việc ông Toàn xây dựng nhà tạm trên phần diện tích đất của bà Trần Thị M. Thời gian này giữa bà Mỹ và ông T có tranh chấp mảnh đất trên và đã nhiều lần được Ủy ban nhân dân xã Phú Cát hòa giải nhưng không thành, sau đó ngày 12/6/2019 bà Mỹ bán lại thửa đất cho anh Nguyễn Văn D. Đến năm 2016 ông Toàn cho anh Hà Hữu Ngh sinh sống trong căn nhà và sử dụng thửa đất của ông T đã mua trước đó, sau khi ở thì anh Nghị dựng 01 xưởng để buôn bán.

Ngày 02/06/2022, Đỗ Xuân Tư Tr cùng anh Ngô Văn K và chị Ngô Thị B, mua lại thửa đất đang có tranh chấp nêu trên của anh Nguyễn Văn D, thửa đất có diện tích 345,2m^2 tại thôn 7, xã Phú Cát, huyện Q với giá trị là 3.000.000.000 đồng (Tr góp 600.000.000 đồng còn anh K và chị B mỗi người góp 1.200.000.000 đồng). Anh K và Tr thỏa thuận Tr sẽ phụ trách việc giải phóng toàn bộ mặt bằng trên thửa đã mua chung. Sau đó Tr đã đến gặp ông T và trao đổi hiện tại thửa đất tại thôn 7, xã Phú C, huyện Q thuộc quyền sở hữu của Tr và yêu cầu ông T bảo anh Ngh rời khỏi thửa đất nhưng ông T nói với Tr là thửa đất trên ông T mua từ năm 1994 hiện tại đang làm thủ tục để chính quyền địa phương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cho anh Ngh ở nhờ, việc anh Ngh xây dựng lán thì chuyển hay không là do anh Nghị còn căn nhà cấp 4 và thửa đất trên là của ông T. Tr đến gặp anh Ngh và trả cho anh Ngh 1.000.000.000 đồng để anh Ngh dọn dẹp kho xưởng, anh Ngh đồng ý nhận tiền và dọn dẹp kho xưởng đã xây dựng trên thửa đất mượn của ông T còn phần nhà cấp 4 do ông T xây dựng thì anh Ngh

không dọn và không chịu trách nhiệm phải dọn căn nhà này, sau đó anh Ngh gọi điện cho ông T và thông báo trả lại cho ông T căn nhà cấp 4 và không ở tại đây nữa. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 18/10/2022, mặc dù không được sự đồng ý của ông T, Đỗ Xuân Tư Tr trực tiếp thuê anh Nguyễn Văn T điều khiển máy xúc đến phá hủy toàn bộ căn nhà cấp 4 của ông T. Khi anh T điều khiển máy xúc phá hủy toàn bộ căn nhà cấp 4 thì Công an xã P đến yêu cầu tạm dừng hoạt động thấy vậy Trung đã rời khỏi hiện trường. Khoảng 19 giờ 15 cùng ngày, ông Toàn đến Công an xã P, huyện Q để trình báo về sự việc.

Đồ vật, tài liệu tạm giữ: 01 máy múc nhãn hiệu Kubota RXSOS của Phạm Văn Tiến .

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Hiện trường cụ thể tại vị trí thửa đất của ông Nguyễn Văn T ở thôn 7, xã P, huyện Q, phát hiện tại giữa khu đất có 01 máy múc nhãn hiệu Kubota RXSOS, xung quanh máy múc phát hiện nhiều mảnh tường của căn nhà cấp 4 có kích thước dài 09 mét, rộng 04 mét, cao 3,5 mét; được xây bằng gạch ba banh kích thước (25x15x12)cm và xây bằng vữa xi măng cát, phần mái lợp bờ rô xi măng bị vỡ vụn; phần kèo mái làm bằng kim loại; phần nền nhà được lát gạch đỏ kích thước (30x30)cm; có 01 cửa ra vào làm bằng kim loại có kích thước (2x1) mét; 01 cửa nhôm kính kích thước (2,25x1,1) mét bị phá hủy hoàn toàn.

Ngày 25/11/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quốc Oai có bản Kết luận định giá tài sản số 90/KL-HĐĐGTS kết luận: 01 nhà cấp 4 (có đặc điểm như nêu trên) tại thời điểm ngày 18/10/2022 có giá trị là 82.008.000 đồng.

Đối với thửa đất 1080m^2 tại thôn 7, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội (nơi xảy ra sự việc) quá trình điều tra xác định ngày 29/3/1994 ông Ngô Văn M đã mua hộ cho ông Nguyễn Văn T thửa đất này từ ông Nguyễn Văn Kh với giá 10.000.000 đồng, sau đó đến ngày 29/5/1994 ông Măng đã bàn giao toàn bộ thửa đất cho ông Toàn. Sau đó ông Khả tiếp tục bán 1 phần của thửa đất cho ông Bùi Minh T và bà Bùi Thị Th và ông T, bà Th tiếp tục bán cho người khác nên thửa đất này hiện nay đang có tranh chấp, tuy nhiên việc tranh chấp nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hủy hoại tài sản nếu các bên có yêu cầu sẽ xem xét xử lý trong vụ việc khác.

Xử lý vật chứng: Đối với chiếc máy xúc RX505 mà anh Nguyễn Văn T đã sử dụng để phá hủy ngôi nhà của ông T thuộc sở hữu của anh Tiến, quá trình điều tra đã xác định anh T không đồng phạm với Đỗ Xuân Tư Tr về hành vi Hủy hoại tài sản. Ngày 18/11/2022, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định số 48 trả lại chiếc máy múc cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn T.

Về dân sự: Ông Nguyễn Văn T yêu cầu Đỗ Xuân Tư Tr bồi thường số tiền 82.000.000 đồng .

Cáo trạng số 105/CT-VKSQO ngày 29/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố bị cáo về tội *"Hủy hoại tài sản"* theo điểm b Khoản 2 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo, người bị hại đều khai nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Về phần bồi thường bị cáo và người bị hại tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho người bị hại số tiền là 82.000.000 đồng, còn về phần hình phạt đề nghị Hội đồng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Đỗ Xuân Tư Tr phạm tội *"Hủy hoại tài sản"*.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 178; Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Xuân Tư Tr** từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2024.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 178 Bộ luật hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Không có nên không yêu cầu xử lý.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Áp dụng điều 584; 585 và 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải bồi thường ông T tổng số tiền 82.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại nhất trí với phần luận tội của Đại diện VKS, không có tranh luận gì.

Trong lời nói sau cùng bị cáo: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận việc làm của mình, bị cáo kính mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đó được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ai có đơn khiếu nại. Do đó các hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết quả định giá và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ khẳng định:

Do cho rằng ngôi nhà cấp 4 (được xây dựng từ năm 2010) của ông Nguyễn Văn T nằm trên phần thửa đất mà mình đã mua vào năm 1994 tại thôn 7, xã Phú Cát, huyện Quốc Oai nên khoảng 16 giờ 30 phút ngày 18/10/2022, Đỗ Xuân Tư Tr đã thuê anh Nguyễn Văn T điều khiển máy xúc phá hủy toàn bộ căn nhà cấp 4 nêu trên của ông T, trị giá tài sản bị thiệt hại là 82.008.000 đồng (tám mười triệu không trăm lẻ tám nghìn đồng). Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội: *Hủy hoại tài sản* theo điểm b Khoản 2 Điều 178 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng

số: 105 ngày 29/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng cũng xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để áp dụng một hình phạt phù hợp với bị cáo.

-Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sựu theo Điều 52 Bộ luật hình sự. Nhưng bị cáo có nhân thân xấu nên cần có hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

-Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đến cơ quan Công an đầu thú là tình tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ 01 chiếc máy xúc RX505 mà anh Nguyễn Văn T đã sử dụng để phá hủy ngôi nhà của ông Toàn thuộc sở hữu của anh T, quá trình điều tra đã xác định anh T không đồng phạm với Đỗ Xuân Tư Tr về hành vi Hủy hoại tài sản. Ngày 18/11/2022, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định số 48 trả lại chiếc máy múc cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Văn T. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay người bị hại yêu cầu bồi thường số tiền là 82.000.000 đồng bị cáo nhất trí yêu cầu bồi thường của người bị hại. Xét sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của ông Toàn và bị cáo Trung là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự. Do đó Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của bị cáo với người bị hại. Bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho ông T số tiền là 82.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Đỗ Xuân Tư Trung** phạm tội: Hủy hoại tài sản**.**

-Về điều luật và mức hình phạt: Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 178; Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Đỗ Xuân Tư Tr 30** (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/10/2024.

-Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự; Căn cứ Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường giữa người bị hại và bị cáo. Bị cáo Đỗ Xuân Tư Tr có nghĩa vụ bồi thường ông Nguyễn Văn T số tiền là: 82.000.000 (tám mươi hai) triệu đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Bị cáo Tr phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 4.100.000 đồng án phí dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng điều 331, điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo đối với phần quyết định có liên quan tới mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND huyện Q;*
- *Chi cục THADS huyện Q;*
- *Công an huyện Q;*
- *Các bị cáo;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ; VP. Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Kiều Văn Thành